

**Công ty Cổ phần Dược phẩm
và Sinh học Y tế**

Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2017 đến
ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đệ trình các báo cáo tài chính đã được kiểm toán phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày thành lập

Công ty được thành lập tại Việt Nam với tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước được chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 15 tháng 1 năm 2016.

Trụ sở đăng kí	Số 31, Đường Ngô Thời Nhiệm Phường 6, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
Nhà máy	Lô III-18, Đường số 13 Khu công nghiệp Tân Bình Phường Tây Thạnh, Quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
Địa điểm kinh doanh	Cửa hàng Mắt kính An Tài Số 219, Đường Trần Hưng Đạo Phường 10, Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế; sản xuất thực phẩm chức năng (không hoạt động tại trụ sở); sản xuất thuốc, chỉ khâu phẫu thuật, thuốc thử sinh học (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn và bán lẻ mắt kính.

Kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại trang 5.

Các chỉ số tài chính của doanh nghiệp

Các khoản mục	Đơn vị	Giai đoạn	Giai đoạn
		từ 1/4/2017 đến 31/12/2017	từ 15/1/2016 đến 31/3/2017
Cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1 Cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	34	44
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	66	56
1.2 Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	32	19
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68	81

Các khoản mục	Đơn vị	Giai đoạn	Giai đoạn
		từ 1/4/2017 đến 31/12/2017	từ 15/1/2016 đến 31/3/2017
Khả năng thanh toán			
2.1 Tỷ lệ tổng tài sản so với tổng nợ phải trả	lần	3,12	5,24
2.2 Tỷ lệ tài sản ngắn hạn so với nợ ngắn hạn	lần	2,05	2,91
2.3 Tỷ lệ tiền mặt so với nợ ngắn hạn	lần	0,32	1,11
Tỷ lệ lợi nhuận			
3.1 Lợi nhuận/doanh thu			
a. Lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	5	4
b. Lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	4	3
3.2 Lợi nhuận/tổng tài sản			
a. Lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	%	6	9
b. Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	5	8
3.3 Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	8	9

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hồng Sơn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 4/3/2017)
Bà Phan Thị Túy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/12/2015)
Ông Tạ Đức Hoàng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4/3/2017)
Ông Hà Ngọc Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/12/2017)
Bà Nguyễn Thị Tôn Cẩm Trâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/12/2017)
Ông Trần Hoàng Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/12/2017)
Ông Trần Hoàng Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/12/2015)
Bà Nguyễn Ngọc Xuân Trang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/12/2017)
Bà Nguyễn Ngọc Xuân Trang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/7/2017)

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Phan Thị Túy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22/12/2015)
Bà Vũ Thị Vân Khánh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/1/2016)
Bà Hoàng Thị Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/8/2017)
Ông Đinh Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/1/2018)
Bà Lê Thị Huyền Trang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/1/2018)

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Vũ Thị Thu Trang	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15/7/2017)
Bà Hoàng Thị Hà	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15/7/2017)
Bà Hoàng Thị Hà	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 4/3/2017)
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/12/2015)
Ông Lưu Hoài Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4/3/2017)

Kiểm toán

Công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là kiểm toán viên của Công ty.

Báo cáo của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán đính kèm, các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cùng các thuyết minh đính kèm, đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

Phan Thị Tuy
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh
NGÀY 10 THÁNG 4 NĂM 2018

521
N
N
K
N
N
C
P

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế được lập ngày 10 tháng 4 năm 2018, từ trang 3 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 15 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán phát hành ngày 10 tháng 5 năm 2017 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính có kèm đoạn nhấn mạnh về việc Công ty đã ước tính và ghi nhận số cổ tức có thể được chia theo tỷ lệ góp vốn vào Doanh thu hoạt động tài chính với số tiền là 1.426.895.692 VND nhưng chưa nhận được thông báo chia cổ tức từ Công ty Liên doanh Dược phẩm Mebiphar - Austrapharm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần ở trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7, bao gồm trong số dư phải thu cổ tức có số tiền 1.452.652.466 VND là cổ tức cho năm 2017 có thể nhận được từ Công ty Liên doanh Dược phẩm Mebiphar – Austrapharm. Công ty đã ước tính dựa vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được kiểm toán của Công ty Liên doanh Dược phẩm Mebiphar – Austrapharm; và ghi nhận số cổ tức này theo tỷ lệ góp vốn vào Doanh thu hoạt động tài chính nhưng chưa nhận được thông báo chia cổ tức chính thức từ Công ty Liên doanh Dược phẩm Mebiphar - Austrapharm.



**Công ty TNHH NEXIA STT –
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**
Lê Quang Phi
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 2073-2018-225-1

Phan Thị Băng Tuyết
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 2188-2018-225-1

Báo cáo kiểm toán số: HCM-AU/310/2018/MBP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	31/3/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.585.266.777	74.993.839.095
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	17.748.610.923	28.678.474.857
Tiền	111		4.648.610.923	2.578.474.857
Các khoản tương đương tiền	112		13.100.000.000	26.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	13.1	6.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.109.662.660	23.306.195.253
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	39.255.704.326	15.488.397.734
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	3.434.084.361	3.233.749.335
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	15.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.644.023.650	4.685.951.827
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(224.149.677)	(101.903.643)
Hàng tồn kho	140	9	29.506.730.535	22.846.669.669
Hàng tồn kho	141		29.506.730.535	22.958.525.759
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(111.856.090)
Tài sản ngắn hạn khác	150		220.262.659	162.499.316
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		93.613.403	134.638.601
Thuế GTGT được khấu trừ	152		76.895.006	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	49.754.250	27.860.715
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.770.025.906	59.955.017.318
Tài sản cố định	220		34.712.799.615	36.628.072.156
Tài sản cố định hữu hình	221	10	27.671.462.114	29.397.819.066
<i>Nguyên giá</i>	222		82.991.731.660	81.049.843.896
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(55.320.269.546)	(51.652.024.830)
Tài sản vô hình	227	11	7.041.337.501	7.230.253.090
<i>Nguyên giá</i>	228		8.688.139.217	8.688.139.217
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.646.801.716)	(1.457.886.127)
Tài sản dở dang dài hạn	240		572.597.273	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	572.597.273	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.284.368.502	11.284.368.502
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	13.2	11.284.368.502	11.284.368.502
Tài sản dài hạn khác	260		12.200.260.516	12.042.576.660
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	12.200.260.516	12.042.576.660
TỔNG TÀI SẢN	270		172.355.292.683	134.948.856.413

Các thuyết minh đính kèm là một phần không tách rời của các báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	31/3/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		55.279.150.766	25.772.594.103
Nợ ngắn hạn	310	15	55.279.150.766	25.772.594.103
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	43.600.264.929	8.902.254.284
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	6.839.697.429	2.121.025.110
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	690.184.072	139.044.764
Phải trả người lao động	314	19	2.685.307.220	2.062.051.519
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	497.658.785	254.175.815
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	951.207.607	12.168.352.577
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.830.724	125.690.034
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.076.141.917	109.176.262.310
Vốn chủ sở hữu	410	22	117.076.141.917	109.176.262.310
Vốn góp của chủ sở hữu	411		108.000.000.000	100.000.000.000
<i>Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		108.000.000.000	100.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.923.159.182	1.008.691.420
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.152.982.735	8.167.570.890
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	421a		84.211.508	-
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		7.068.771.227	8.167.570.890
TỔNG NGUỒN VỐN	440		172.355.292.683	134.948.856.413

Người lập:

Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Thị Túy
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cho thuê	01		239.231.759.834	328.778.581.220
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(229.769.854)	(27.847.400)
Doanh thu thuần về bán hàng và cho thuê	10	23	239.001.989.980	328.750.733.820
Giá vốn hàng bán	11	24	(219.534.531.038)	(300.950.146.740)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cho thuê	20		19.467.458.942	27.800.587.080
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.104.702.679	3.896.592.350
Chi phí tài chính	22	26	(428.799.165)	(284.643.907)
<i>Bao gồm: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	27	(1.216.315.185)	(1.845.224.402)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	(10.077.507.908)	(17.248.238.544)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.849.539.363	12.319.072.577
Thu nhập khác	31		80.754.045	106.896.000
Chi phí khác	32		(71.226.770)	(16.644.057)
Lợi nhuận khác	40		9.527.275	90.251.943
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.859.066.638	12.409.324.520
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	(1.836.982.841)	(2.199.816.500)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		9.022.083.797	10.209.508.020
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	753	918

Người lập:



Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Thị Túy
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN				
TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		10.859.066.638	12.409.324.520
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		3.857.160.305	5.296.700.019
Các khoản dự phòng	03		10.389.944	213.759.733
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(10.989.607)	709.108
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(2.714.995.346)	(3.835.290.476)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.000.631.934	14.085.202.904
Tăng các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho	09		(21.630.571.967)	(6.530.243.460)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và các khoản nợ khác	10		(6.548.204.776)	2.393.580.232
(Tăng)/giảm các chi phí trả trước	11		40.102.087.760	(2.813.945.249)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12		(116.658.658)	484.504.899
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15		(1.150.000.000)	(1.480.525.427)
	17		(561.963.500)	(2.475.559.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.095.320.793	3.663.014.899
LƯU CHUYỂN TIỀN				
TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.514.485.037)	(151.239.091)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.321.065.331	4.046.590.785
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.193.419.706)	3.895.351.694

Các thuyết minh đính kèm là một phần không tách rời của các báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)****CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(11.382.675.497)	(25.851.505.641)
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(448.897.940)	(6.500.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.831.573.437)	(32.351.505.641)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(10.929.672.350)	(24.793.129.433)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.678.474.857	53.471.462.905
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(191.584)	141.385
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	17.748.610.923	28.678.474.857

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ CHỦ YẾU

Trong kỳ có những giao dịch phi tiền tệ chủ yếu như sau:

	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND
Chia cổ tức bằng cổ phần	8.000.000.000	-

Người lập:


Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Phan Thị Túy
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Các thuyết minh này là một phần không thể tách rời và nên đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế ("Công ty") có tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước được chuyển thể thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm và Sinh học Y tế theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000565 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 3 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Ngày 16 tháng 6 năm 2011, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp cho Công ty Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300533351 để thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000565 nói trên.

Sau đó, Công ty TNHH MTV Dược phẩm và Sinh học Y tế được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300533351, điều chỉnh lần thứ 10 ngày 15 tháng 1 năm 2016.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000565
Điều chỉnh lần thứ 1

Ngày
Ngày 2 tháng 7 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300533351
Điều chỉnh lần thứ 2
Điều chỉnh lần thứ 3
Điều chỉnh lần thứ 4
Điều chỉnh lần thứ 5
Điều chỉnh lần thứ 6
Điều chỉnh lần thứ 7
Điều chỉnh lần thứ 8
Điều chỉnh lần thứ 9
Điều chỉnh lần thứ 10
Điều chỉnh lần thứ 11
Điều chỉnh lần thứ 12
Điều chỉnh lần thứ 13

Ngày
Ngày 16 tháng 6 năm 2011
Ngày 22 tháng 8 năm 2011
Ngày 22 tháng 11 năm 2011
Ngày 15 tháng 12 năm 2011
Ngày 25 tháng 10 năm 2013
Ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ngày 6 tháng 4 năm 2015
Ngày 12 tháng 10 năm 2015
Ngày 15 tháng 1 năm 2016
Ngày 9 tháng 8 năm 2016
Ngày 10 tháng 6 năm 2017
Ngày 31 tháng 10 năm 2017

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế; sản xuất thực phẩm chức năng (không hoạt động tại trụ sở); sản xuất thuốc, chỉ khâu phẫu thuật, thuốc thử sinh học (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn và bán lẻ mắt kính.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tổng vốn điều lệ của Công ty theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300533351, điều chỉnh lần thứ 12 ngày 10 tháng 6 năm 2017 và theo định nghĩa của Luật Doanh nghiệp Việt Nam là 100.000.000.000 VND.

Trong kỳ, tổng vốn điều lệ của Công ty tăng từ 100.000.000.000 VND lên 108.000.000.000 VND theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300533351, điều chỉnh lần thứ 13 ngày 31 tháng 10 năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 167 nhân viên (31/3/2017: 165 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được trình bày với đơn vị Đồng Việt Nam ("VND"), được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Kỳ báo cáo tài chính đầu tiên của Công ty khi đổi năm tài chính từ ngày 1 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Các năm tài chính tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đòi hỏi Ban Giám đốc phải đưa ra các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến giá trị tài sản và công nợ, đến việc trình bày các khoản mục tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính và doanh thu và chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể có sự khác biệt so với các ước tính này.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- các giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- các giao dịch làm phát sinh các khoản nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- các giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kì hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao với thời gian đáo hạn dưới 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được xác định theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn được tính theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá vốn bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận trên cơ sở nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá và ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa | 25 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 4 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 10 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 4 – 10 năm |

Thời gian sử dụng hữu ích và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng các phương pháp và thời gian khấu hao phù hợp với lợi ích kinh tế có thể tạo ra từ tài sản cố định hữu hình.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định được ghi nhận bằng cách so sánh giá trị thuần của khoản thu được từ thanh lý với giá trị ghi sổ của tài sản được thanh lý và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong Giấy phép và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 34,5 năm.

Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí sửa chữa văn phòng tại Số 31, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình sửa chữa.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí lợi thế thương mại

Chi phí lợi thế thương mại phát sinh khi Công ty thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 40_1/2015/CV-DAS ngày 3 tháng 2 năm 2015. Chi phí lợi thế thương mại được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ ngày 15 tháng 1 năm 2016.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê ở Khu công nghiệp Tân Bình. Chi phí đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình vào ngày 2 tháng 4 năm 2001 trong thời hạn 46 năm 2 tháng. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng là 46 năm 2 tháng.

Công cụ, dụng cụ và thiết bị

Công cụ, dụng cụ và thiết bị bao gồm tài sản được Công ty nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu VND và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ dụng cụ và thiết bị được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Các khoản phải trả và trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hiện hành phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và có nhiều khả năng là Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị của Công ty.

Vốn chủ sở hữu

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê tài sản mà bên cho thuê vẫn nắm giữ phần lớn rủi ro và quyền sở hữu tài sản được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 nhằm hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan tới việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan tới việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Giá trị ghi sau lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn trong Thông tư 210 về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Lãi trên mỗi cổ phần

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần

Lãi cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông trên số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp và cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều trung gian kiểm soát hoặc kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung của một công ty, bao gồm công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên kết. Các tổ chức và các cá nhân sở hữu, trực tiếp hay gián tiếp có quyền biểu quyết ảnh hưởng quan trọng trong việc kinh doanh của công ty, các cá nhân tham gia điều hành công ty cấp cao bao gồm các giám đốc và các nhân viên trong công ty cũng như người thân của các cá nhân này cùng các công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Việc xác định các mối quan hệ với các bên liên quan phụ thuộc trực tiếp đến bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

Số dư bằng không

Các tài khoản hoặc khoản mục có số dư bằng không theo Chế độ Kế toán Việt Nam sẽ không được phản ánh trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 VND	31/3/2017 VND
Tiền mặt	255.301.144	161.038.366
Tiền gửi ngân hàng	4.393.309.779	2.417.436.491
Các khoản tương đương tiền	13.100.000.000	26.100.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	17.748.610.923	28.678.474.857

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có số ngoại tệ khác đồng tiền trong nước – Đồng Việt Nam ("VND") có giá trị tương đương 91.985.102 VND (31/3/2017: 57.994.390 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam với lãi suất 5,4%/năm (31/3/2017: từ 5,2%/năm đến 5,5%/năm).

Bao gồm trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 5.000.000.000 VND (31/3/2017: không) đã được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam để bảo đảm cho hoạt động đấu thầu của Công ty.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	31/3/2017 VND
<i>Phải thu từ khách hàng</i>		
Công ty TNHH Nhân Phúc	27.976.898.247	193.502.009
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.296.617.833	9.958.406.523
	38.273.516.080	10.151.908.532
<i>Phải thu từ các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Dược phẩm An Hy	732.511.082	5.149.759.499
Công ty Liên doanh Dược phẩm Mebiphar - Austrapharm	220.255.544	179.729.349
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Sài Gòn	29.421.620	7.000.354
	982.188.246	5.336.489.202
TỔNG CỘNG	39.255.704.326	15.488.397.734

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Biến động trong kỳ của dự phòng cho các khoản nợ khó đòi như sau:

	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND
Số dư đầu kỳ	101.903.643	-
Tăng dự phòng trong kỳ	154.232.573	101.903.643
Hoàn nhập	(31.986.539)	-
Số dư cuối kỳ	224.149.677	101.903.643
Dự phòng nợ khó đòi – dài hạn	-	-
Dự phòng nợ khó đòi – ngắn hạn	224.149.677	101.903.643

5. TRẢ TRƯỚC CHO NHÀ CUNG CẤP

	31/12/2017 VND	31/3/2017 VND
<i>Trả trước cho người bán</i>		
Công ty TNHH Trang trí Nội ngoại thất Tân Mộc	1.120.065.114	-
Công ty TNHH HATA International Việt Nam	660.000.000	-
Tập đoàn Dược phẩm Bắc Trung Quốc	-	467.261.747
Công ty Cổ phần Thiết bị Vật tư Khoa học Kỹ thuật Du lịch Trung Sơn T.S.S.E	404.860.000	-
Các khoản phải trả người bán khác	1.249.159.247	633.267.588
	3.434.084.361	1.100.529.335
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Sài Gòn	-	2.133.220.000
TỔNG CỘNG	3.434.084.361	3.233.749.335

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản tiền cho bên liên quan – Công ty Cổ phần Aikya vay tín chấp với kỳ hạn 6 tháng. Khoản cho vay có lãi suất 8,8%/năm và đến hạn vào ngày 5 tháng 6 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		31/3/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu cổ tức	1.792.730.210	-	1.426.244.368	-
Phải thu lãi	197.749.729	-	170.305.556	-
Tạm ứng cho nhân viên	325.486.794	-	486.890.000	-
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	138.082.578	-	2.081.132.016	-
Phải thu khác	189.974.339	-	521.379.887	-
TỔNG CỘNG	2.644.023.650	-	4.685.951.827	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	851.293.440	-	3.259.707.459	-
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan</i>				
Công ty Liên doanh Dược phẩm Mebiphar - Austrapharm	1.792.730.210	-	1.426.244.368	-

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi suất và không có thời hạn hoàn trả cố định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

8. NỢ XẤU

	31/12/2017 VND		31/3/2017 VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Đối tượng nợ						
Tổng giá trị các khoản phải thu của khách hàng và trả trước cho người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	99.881.577	69.917.104	29.964.473	99.881.577	69.917.104	29.964.473
Công ty TNHH Dược phẩm Thành Đạt	83.926.334	83.926.334	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược PIRO	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược - VTYT Quảng Ngãi	60.749.740	60.749.740	-	-	-	-
Công ty Cổ phần TMDV Mai Việt Anh	-	-	-	89.894.390	30.340.317	59.554.073
Trung tâm Y tế Huyện Vị Thủy - Hậu Giang	-	-	-	15.992.966	707.144	15.285.822
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cà Mau	-	-	-	1.878.156	939.078	939.078
Khách lẻ	9.556.499	9.556.499	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	254.114.150	224.149.677	29.964.473	207.647.089	101.903.643	105.743.446

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		31/3/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.646.155.153	-	9.861.074.787	-
Công cụ, dụng cụ	15.219.000	-	10.203.997	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.371.899.409	-	5.695.982.446	-
Thành phẩm	7.770.675.131	-	7.208.554.138	-
Hàng hóa	702.781.842	-	182.710.391	111.856.090
TỔNG CỘNG	29.506.730.535	-	22.958.525.759	111.856.090

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND
Số dư đầu kỳ	111.856.090	-
Tăng dự phòng trong kỳ	-	111.856.090
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(111.856.090)	-
Số dư cuối kỳ	-	111.856.090

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017****10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	44.977.740.230	40.772.727	34.107.762.969	1.923.567.970	81.049.843.896
Tăng trong kỳ	-	42.077.273	1.784.914.029	114.896.462	1.941.887.764
Số dư cuối kỳ	44.977.740.230	82.850.000	35.892.676.998	2.038.464.432	82.991.731.660
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	21.297.272.892	38.797.115	29.257.189.133	1.058.765.690	51.652.024.830
Khấu hao trong kỳ	1.281.892.401	2.852.222	2.225.216.688	158.283.405	3.668.244.716
Số dư cuối kỳ	22.579.165.293	41.649.337	31.482.405.821	1.217.049.095	55.320.269.546
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	23.680.467.338	1.975.612	4.850.573.836	864.802.280	29.397.819.066
Số dư cuối kỳ	22.398.574.937	41.200.663	4.410.271.177	821.415.337	27.671.462.114

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 40.772.727 VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (31/3/2017: không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

11. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	8.688.139.217
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.457.886.127
Khấu hao trong kỳ	188.915.589
Số dư cuối kỳ	1.646.801.716
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	7.230.253.090
Số dư cuối kỳ	7.041.337.501

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017 VND
Số dư đầu kỳ	-
Tăng trong kỳ	572.597.273
Số dư cuối kỳ	572.597.273
Dự án chính	31/12/2017 VND
Sửa chữa văn phòng tại Số 31, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	572.597.273

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

13.1. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	6.000.000.000	6.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền gửi có kỳ hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam với lãi suất 7%/năm.

\\C:\HN\2017\12\12

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

13.2. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2017 VND		31/3/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh	11.284.368.502	11.284.368.502	11.284.368.502	11.284.368.502
			Dự phòng	Dự phòng
			-	-

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	% quyền sở hữu	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND
Các công ty liên doanh					
Công ty Liên doanh Dược phẩm Mebiphar – Austrapharm	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	Số 0303023486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 7 năm 2003 và được điều chỉnh gần nhất vào ngày 20 tháng 11 năm 2015	37%	11.284.368.502	11.284.368.502

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017 VND	31/3/2017 VND
Chi phí thuê đất	8.410.502.657	8.624.056.556
Chi phí lợi thế thương mại	2.779.167.588	3.038.494.596
Công cụ, dụng cụ và thiết bị	1.010.590.271	380.025.508
TỔNG CỘNG	12.200.260.516	12.042.576.660

Biến động trong kỳ của các khoản chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Chi phí thuê đất VND	Chi phí lợi thế thương mại VND	Công cụ, dụng cụ và thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	12.111.888.686	3.457.693.451	729.996.052	16.299.578.189
Tăng trong kỳ	-	-	1.245.795.718	1.245.795.718
Số dư cuối kỳ	12.111.888.686	3.457.693.451	1.975.791.770	17.545.373.907
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	3.487.832.130	419.198.855	349.970.544	4.257.001.529
Phân bổ trong kỳ	213.553.899	259.327.008	615.230.955	1.088.111.862
Số dư cuối kỳ	3.701.386.029	678.525.863	965.201.499	5.345.113.391
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	8.624.056.556	3.038.494.596	380.025.508	12.042.576.660
Số dư cuối kỳ	8.410.502.657	2.779.167.588	1.010.590.271	12.200.260.516

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

15. NỢ NGẮN HẠN

Các khoản nợ ngắn hạn không phải là VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 35.509 triệu VND (31/3/2017: 2.279 triệu VND).

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND		31/3/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả người bán</i>				
Growena Impex Company	27.783.713.705	27.783.713.705	-	-
M/S Tricon Enterprises PVT LTD	-	-	2.279.000.000	2.279.000.000
Công ty TNHH MTV Dược Hoài Phương	762.172.950	762.172.950	1.958.362.875	1.958.362.875
Phải trả cho các đối tượng khác	15.032.609.384	15.032.609.384	4.664.891.409	4.664.891.409
	43.578.496.039	43.578.496.039	8.902.254.284	8.902.254.284
<i>Phải trả các bên liên quan</i>				
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	21.768.890	21.768.890	-	-
TỔNG CỘNG	43.600.264.929	43.600.264.929	8.902.254.284	8.902.254.284

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn không phải là VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 35.509 triệu VND (31/3/2017: 2.279 triệu VND).

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	31/3/2017 VND
Công ty Cổ phần Dược Pha Nam	2.504.039.418	-
Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tấn	1.031.025.458	-
Công ty TNHH MTV Dược Pha Nam Hà Nội	780.112.632	-
Công ty TNHH Dược phẩm Ngân Thủy	215.991.404	376.121.254
Công ty Cổ phần Thảo Mộc Xanh	6.617.258	363.472.701
Khác	2.301.911.259	1.381.431.155
TỔNG CỘNG	6.839.697.429	2.121.025.110

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/3/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	84.367.030	-	(84.367.030)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.809.122.126	(1.150.000.000)	659.122.126
Thuế thu nhập cá nhân	32.677.734	263.677.592	(265.293.380)	31.061.946
Các loại thuế khác	22.000.000	776.372.634	(798.372.634)	-
TỔNG CỘNG	139.044.764	2.849.172.352	(2.298.033.044)	690.184.072
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	49.754.250	49.754.250
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.860.715	(27.860.715)	-	-
TỔNG CỘNG	27.860.715	(27.860.715)	49.754.250	49.754.250

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, phải trả người lao động bao gồm lương tháng 12, tháng 13 và thưởng.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	31/3/2017 VND
Hoa hồng	408.112.792	198.833.045
Các khoản khác	89.545.993	55.342.770
TỔNG CỘNG	497.658.785	254.175.815



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017 VND	31/3/2017 VND
Phải trả cổ phần hóa	-	11.382.675.497
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	773.050.000	102.600.000
Phải trả cổ tức	-	448.897.940
Các khoản phải trả, phải nộp khác	178.157.607	234.179.140
	<hr/>	<hr/>
TỔNG CỘNG	951.207.607	12.168.352.577
	<hr/>	<hr/>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	951.207.607	336.779.140
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn</i>	-	11.831.573.437
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả phi thương mại cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi suất và không có thời gian hoàn trả cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 15 tháng 1 năm 2016	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	10.209.508.020	10.209.508.020
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.008.691.420	(1.008.691.420)	-
Trích thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	(528.900.000)	(528.900.000)
Trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(504.345.710)	(504.345.710)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2017	100.000.000.000	1.008.691.420	8.167.570.890	109.176.262.310
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	9.022.083.797	9.022.083.797
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	914.467.762	(914.467.762)	-
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*)	-	-	(671.100.000)	(671.100.000)
Trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	-	(451.104.190)	(451.104.190)
Chia cổ tức bằng cổ phần (**)	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	108.000.000.000	1.923.159.182	7.152.982.735	117.076.141.917

(*) Công ty tạm trích các quỹ này theo ước tính của Ban Giám đốc dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(**) Công ty chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phần theo Nghị quyết số 4/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Vốn điều lệ được phê duyệt và vốn đã góp của Công ty như sau:

	Số cổ phần	Cổ phần thông thường VND
Tại ngày 15 tháng 1 năm 2016 Mệnh giá của cổ phần phát hành	10.000.000	100.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 Mệnh giá của cổ phần phát hành	10.000.000 800.000	100.000.000.000 8.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	10.800.000	108.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	
Số dư đầu kỳ	100.000.000.000
Góp vốn bằng cổ tức được chia bởi Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	2.498.960.000
Góp vốn bằng cổ tức được chia bởi Công ty TNHH MTV Dược phẩm An Hy	2.661.600.000
Góp vốn bằng cổ tức được chia bởi Công ty Cổ phần Aikya	2.661.680.000
Góp vốn bằng cổ tức được chia bởi nhân viên	177.760.000
Số dư cuối kỳ	108.000.000.000

Trong kỳ, vốn điều lệ được phê duyệt tăng từ 100.000.000.000 VND lên 108.000.000.000 VND theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa 0300533351, điều chỉnh lần thứ 13 ngày 31 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CHO THUÊ

	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND
Tổng doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	114.287.145.741	143.223.529.230
Doanh thu bán hàng hóa	123.199.942.235	183.112.962.311
Doanh thu cho thuê	1.744.671.858	2.442.089.679
	239.231.759.834	328.778.581.220
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(229.769.854)	(27.847.400)
	239.001.989.980	328.750.733.820
Doanh thu thuần	239.001.989.980	328.750.733.820
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên khác</i>	214.984.506.658	296.924.272.685
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh 31)</i>	24.017.483.322	31.826.461.135

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	90.855.027.364	113.822.616.113
Giá vốn của hàng hóa đã bán	128.679.503.674	187.127.530.627
	219.534.531.038	300.950.146.740
TỔNG CỘNG	219.534.531.038	300.950.146.740

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.033.265.136	2.408.394.784
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.681.730.210	1.426.895.692
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	389.707.333	61.301.874
TỔNG CỘNG	3.104.702.679	3.896.592.350

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	417.809.558	283.934.799
Lỗ chênh lệch tỷ do giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	10.989.607	709.108
TỔNG CỘNG	428.799.165	284.643.907

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí hoa hồng	459.311.056	549.874.613
Chi phí đấu thầu	162.326.212	90.181.909
Chi phí quảng cáo	175.541.234	152.578.023
Chi phí vận chuyển	256.711.031	201.851.492
Khác	162.425.652	850.738.365
	1.216.315.185	1.845.224.402
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nguyên vật liệu	233.453.635	762.628.344
Chi phí nhân công	4.785.077.526	8.508.285.736
Chi phí khấu hao	814.782.497	1.291.057.099
Thuế phí, lệ phí	1.009.183.105	1.246.950.654
Chi phí dự phòng	122.246.034	101.903.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	669.208.272	3.693.329.905
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	259.327.008	419.198.855
Khác	2.184.229.831	1.224.884.308
	10.077.507.908	17.248.238.544
TỔNG CỘNG	11.293.823.093	19.093.462.946

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	128.679.503.674	187.127.530.627
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.731.400.028	92.701.324.660
Chi phí nhân công	14.306.297.952	22.057.390.396
Chi phí khấu hao	3.857.160.305	5.296.700.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	959.919.303	3.895.181.397
Chi phí khác	10.991.536.939	11.289.084.003
	233.525.818.201	322.367.211.102
TỔNG CỘNG	233.525.818.201	322.367.211.102

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế suất áp dụng

Theo các quy định về thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Chi phí thuế hiện hành

Đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế với lợi nhuận chịu thuế như sau:

	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND		Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.859.066.638		12.409.324.520	
Các khoản điều chỉnh:				
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>				
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.577.777		16.644.057	
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>				
Cổ tức được chia	(1.681.730.210)		(1.426.886.077)	
Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	9.184.914.205		10.999.082.500	
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính theo thuế suất thuế TNDN phù hợp</i>	20%	1.836.982.841	20%	2.199.816.500
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.836.982.841		2.199.816.500	

Việc tính toán chi phí thuế TNDN hiện hành phụ thuộc vào kết quả kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

30. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHẦN

Lãi cơ bản trên một cổ phần được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông cho số lượng cổ phần phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND		Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND	
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	7.899.879.607		9.176.262.310	
Số lượng cổ phần phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ	10.488.889		10.000.000	
Lãi cơ bản trên 1 cổ phần	753		918	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

31. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Nhà đầu tư	Bán hàng hóa	79.468.875	24.435.076
		Mua nguyên vật liệu	827.825.000	-
		Mua tài sản cố định hữu hình	1.902.043.539	-
		Mua hàng hóa	250.683.734	-
		Cổ tức đã thanh toán	448.897.940	6.500.000.000
		Thanh toán về cổ phần hóa	11.382.675.497	25.851.505.641
		Nhận góp vốn bằng cổ tức được chia	2.498.960.000	-
		Công ty TNHH MTV Dược phẩm An Hy	Nhà đầu tư	Bán hàng hóa Nhận góp vốn bằng cổ tức được chia
Công ty Cổ phần Aikya	Nhà đầu tư	Nhận góp vốn bằng cổ tức được chia	2.661.680.000	-
		Cho vay	15.000.000.000	-
		Lãi cho vay	46.772.603	-
Công ty Liên doanh Dược phẩm Mebiphar – Austrapharm	Công ty liên doanh	Bán hàng hóa và cho thuê văn phòng	1.711.562.767	2.462.839.679
		Cổ tức đã nhận	1.315.244.368	1.638.205.616
		Cổ tức được chia	1.681.730.210	1.426.895.692
Lương và các khoản chi phí cho Ban Giám đốc			Giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 15/1/2016 đến 31/3/2017 VND
Lương và các lợi ích khác			1.704.438.500	2.620.110.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

32. CAM KẾT

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	31/3/2017 VND
Trong vòng 1 năm	797.005.440	797.005.440
Trên 1 năm đến 5 năm	3.188.021.760	3.188.021.760
Trên 5 năm	20.442.153.600	21.039.907.680
TỔNG CỘNG	24.427.180.800	25.024.934.880

33. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các nhân tố rủi ro tài chính

Các rủi ro Công ty có thể gặp bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tiền tệ), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của quản lý rủi ro tài chính cho công ty. Ban Giám đốc xây dựng các chính sách chi tiết như xác định và đo lường rủi ro, định mức rủi ro cũng như các chiến lược tự bảo vệ. Quản lý rủi ro tài chính được thực hiện bởi bộ phận tài chính.

Nhân viên tài chính so sánh mức độ rủi ro thực tế với các định mức rủi ro và lập các báo cáo định kỳ trình đội ngũ quản lý và Ban Giám đốc. Thông tin được trình bày dưới đây dựa trên những thông tin Ban Giám đốc nhận được:

(a) Rủi ro thị trường – rủi ro tiền tệ

Công ty bị ảnh hưởng bởi Đồng Đô la Mỹ ("USD") và Đồng Euro ("EUR") do các khoản mua sắm lớn được thực hiện bằng USD và EUR.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Mức độ rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD là như sau:

	31/12/2017	
	USD	Tương đương VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.043	91.985.102
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	1.466.335	33.337.135.319
Mức độ rủi ro tiền tệ	(1.462.292)	(33.245.150.217)

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017, nếu USD đã suy yếu 0,18% so với VND với điều kiện tất cả các yếu tố khác bao gồm thuế suất không đổi, lợi nhuận sau thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ cao hơn là 47 triệu VND do kết quả của lãi do chuyển đổi tiền tệ của các công cụ tài chính bằng USD còn lại.

Mức độ rủi ro tiền tệ của Công ty đối với EUR là như sau:

	31/12/2017	
	EUR	Tương đương VND
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	79.419	2.172.259.752
Mức độ rủi ro tiền tệ	(79.419)	(2.172.259.752)

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017, nếu EUR đã suy yếu 11% so với VND với điều kiện tất cả các yếu tố khác bao gồm thuế suất không đổi, lợi nhuận sau thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ cao hơn là 187 triệu VND do kết quả của lãi do chuyển đổi tiền tệ của các công cụ tài chính bằng EUR còn lại.

(b) Rủi ro tín dụng

Công ty áp dụng các chính sách chỉ giao dịch với khách hàng có lịch sử tín nhiệm phù hợp, và khi cần sẽ yêu cầu thế chấp để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đối với tài sản tài chính khác, Công ty áp dụng chính sách giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác được xếp hạng tín dụng cao.

Định mức rủi ro tín dụng tối đa đối với từng nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm này trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính chủ yếu của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu thương mại, phải thu khác và các khoản cho vay đối với nhà đầu tư sở hữu vốn trực tiếp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

(i) Các tài sản tài chính không quá hạn hoặc không giảm giá trị

Các khoản tiền gửi ngân hàng không quá hạn hoặc không giảm giá trị chủ yếu là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có xếp hạng tín dụng cao theo đánh giá của các tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không giảm giá trị chủ yếu từ các công ty có hồ sơ theo dõi thanh toán tốt.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác không quá hạn bao gồm trong số dư phải thu là 56.645.613.826 VND (31/3/2017: 19.966.702.472 VND).

(ii) Các tài sản tài chính quá hạn và/hoặc giảm giá trị

Không có nhóm tài sản tài chính nào khác bị quá hạn hoặc giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu thương mại.

Giá trị ghi sổ các khoản phải thu thương mại được xác định giảm giá trị và biến động trong dự phòng về các khoản giảm giá trị như sau:

	31/12/2017 VND	31/3/2017 VND
Tổng số tiền	254.114.150	207.647.089
Trừ: Dự phòng giảm giá	224.149.677	101.903.643
	<hr/> 29.964.473	<hr/> 105.743.446
Số dư đầu năm	101.903.643	-
Dự phòng được trích lập (Thuyết minh 4)	154.232.573	101.903.643
Hoàn nhập	(31.986.539)	-
Số dư cuối năm (Thuyết minh 4)	<hr/> 224.149.677	<hr/> 101.903.643

(c) Rủi ro thanh khoản

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính không phái sinh của Công ty thành các nhóm theo thời gian đáo hạn thích hợp dựa trên thời gian còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Số tiền được trình bày trong bảng là dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	
Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	47.734.438.541
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017	
Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	23.386.834.195
	<hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

(d) Đo lường giá trị hợp lý

Số tiền ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu thương mại, tiền gửi và các khoản phải trả thương mại, phải trả khác xấp xỉ giá trị hợp lý của các khoản đó.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán bởi vì không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam.

34. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tiền bao gồm ngoại tệ khác VND như sau:

	31/12/2017	31/3/2017
Ngoại tệ		
USD	4.043	2.551

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 15 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017 đã được kiểm toán.

Người lập:



Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Thị Túy
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2018